|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẮC NINH**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ ….**  **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**  **Môn: Địa lí**  **Thời gian làm bài: 50 phút**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**\* Giáo viên ra đề:** Lê Thị Hiền

**Đơn vị công tác:**THPT Yên Phong số 2

**\* Giáo viên thẩm định:**……………………………………………………

**Đơn vị công tác:** THPT Từ Sơn

**I. MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | | **MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng** |
| **Địa lí tự nhiên** | Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ |  | 1 |  |  | 4 |
| Đặc điểm chung của tự nhiên VN |  |  |  | 1 |
| Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên | 2 |  |  |  |
| **Địa lí dân cư** |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **Địa lí ngành kinh tế** | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế |  | 1 |  |  | 7 |
| Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp |  | 2 |  |  |
| Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp | 1 |  | 1 |  |
| Một số vấn đề phát triển và phân bố dịch vụ | 1 | 1 |  |  |
| **Địa lí vùng kinh tế** | Trung du và miền núi Bắc Bộ |  |  | 1 |  | 8 |
| Đồng bằng sông Hồng |  |  |  | 1 |
| Bắc Trung Bộ |  |  | 1 |  |
| DH Nam Trung Bộ |  |  |  | 1 |
| Tây Nguyên |  |  | 1 |  |
| Đông Nam Bộ |  | 1 |  |  |
| Đồng bằng sông Cửu Long |  |  | 1 |  |
| Vấn đề phát triển kinh tế, ANQP ở Biển Đông và các đảo, quần đảo | 1 |  |  |  |
| **Kĩ năng** | Atlat | 15 |  |  |  | 15 |
| Biểu đồ |  | 1 | 1 |  | 2 |
| Bảng số liệu |  | 1 |  | 1 | 2 |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  | **20** | **10** | **6** | **4** | **40** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | *50* | *25* | *15* | *10* | *100* |

**II. ĐỀ THI**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẮC NINH**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ ….**  **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**  **Môn: Địa lí**  **Thời gian làm bài: 50 phút**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**\* Giáo viên ra đề:** Lê Thị Hiền

**Đơn vị công tác:** Trường THPT Yên Phong số 2

**\* Giáo viên thẩm định:** ………………………………………………………………..

**Đơn vị công tác:** Trường THPT Từ Sơn.

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A,

GIAI ĐOẠN 2015 – 2020 *(Đơn vị: Triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| In-đô-nê-xi-a | 854953,1 | 1014090,4 | 1121139,1 | 1059146,1 |
| Ma-lai-xi-a | 298716,0 | 321384,1 | 364616,1 | 337286,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh GDP của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a năm 2020 với năm 2015?

**A.** In-đô-nê-xi-a thấp hơn hơn Ma-lai-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.

**C.** In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a. **D.** Ma-lai-xi-a tăng gấp đôi In-đô-nê-xi-a.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Nam Trung Bộ?

**A.** Đồng Hới. **B.** Nha Trang. **C.** Lạng Sơn. **D.** Cần Thơ.

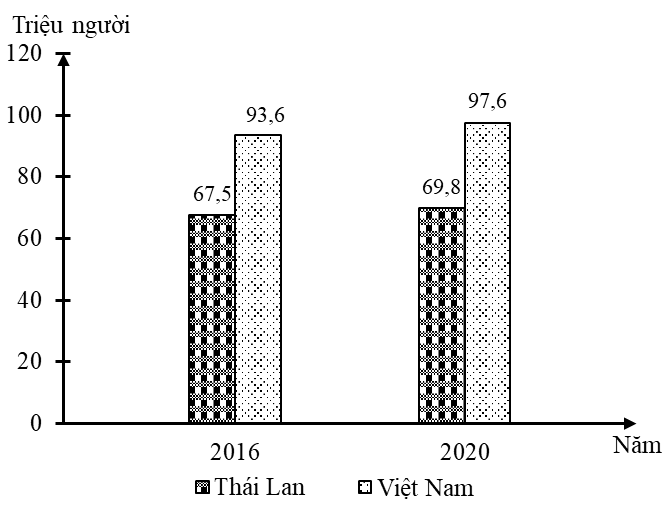
**Câu 43.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất?

**A.** Tuyên Quang. **B.** Nậm Mu. **C.** Thác Bà. **D.** Hòa Bình.

**Câu 44:** Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

**A.** Nước mắm. **B.** Cà phê nhân. **C.** Gạo, ngô. **D.** Đường mía.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:



DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM NĂM 2016 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của Thái Lan và Việt Nam?

**A.** Số dân của Thái Lan luôn nhiều hơn Việt Nam.

**B.** Số dân của Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

**C.** Số dân của Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan.

**D.** Số dân của Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Thủ dầu Một. **B.** Mỹ Tho. **C.** Biên Hòa. **D.** Vũng Tàu.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

**A.** Long Xuyên. **B.** Rạch Giá. **C.** Cà Mau. **D.** Sóc Trăng.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hệ thống sông nào sau đây, có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

**A.** Sông Thái Bình. **B.** Sông Thu Bồn. **C.** Sông Mã. **D.** Sông Ba.

**Câu 49:** Các khu công nghiệp tập trung thường được xây dựng ở vùng ven biển nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nguyên liệu phong phú, lao động dồi dào.

**B.** Lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

**C.** Thu hút nguồn đầu tư, xuất khẩu hàng hóa.

**D.** Lao động dồi dào, thu hút nguồn đầu tư.

**Câu 50:** Ý nghĩa chủ yếu của rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

**A.** có giá trị du lịch sinh thái cao. **B.** bảo tồn sự đa dạng sinh học.

**C.** bảo tồn những di tích lịch sử. **D.** diện tích nuôi trồng thủy sản.

**Câu 51:** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Vĩnh Sơn. **B.** Xê Xan. **C.** Đrây Hling. **D.** Yaly.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía nam cảng Thuận An?

**A.** Chân Mây. **B.** Cửa Lò. **C.** Cửa Gianh. **D.** Vũng Áng.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 28 nối Di Linh với địa điểm nào sau đây?

**A.** Nha Trang. **B.** Biên Hòa. **C.** Phan Thiết. **D.** Đồng Xoài.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết khu dự trữ sinh quyển nào sau đây nằm ở trên đảo?

**A.** Tây Nghệ An. **B.** Cù Lao Chàm. **C.** Cát Tiên. **D.** Mũi Cà Mau.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết nước khoáng Kênh Gà thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Hà Nam. **B.** Hoà Bình. **C.** Ninh Bình. **D.** Nam Định.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất nhỏ nhất?

**A.** Cần Thơ. **B.** Sóc Trăng. **C.** Biên Hòa. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Lâm Đồng?

**A.** Gia Nghĩa. **B.** Pleiku. **C.** Kon Tum. **D.** Đà Lạt.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới của 3 quốc gia Việt Nam, Lào, Campuchia?

**A.** Kon Tum. **B.** Điện Biên. **C.** An Giang. **D.** Lai Châu.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao lớn nhất ở vùng núiTrường Sơn Nam?

**A.** Mơ Nông. **B.** Kon Tum. **C.** Lâm Viên. **D.** Đắk Lắk.

**Câu 60:** Biện pháp để cải tạo đất nông nghiệp ở đồng bằng là

**A.** đào hố vảy cá. **B.** bón phân thích hợp.

**C.** trồng cây theo băng. **D.** làm ruộng bậc thang.

**Câu 61:** Khu vực đồi núi nước ta thường xảy ra

**A.** triều cường. **B.** lũ quét. **C.** ngập lụt. **D.** cát bay.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng đàn trâu nhiều nhất nước ta?

**A.** Sơn La. **B.** Nghệ An. **C.** Phú Thọ. **D.** Quảng Nam.

**Câu 63:** Cây công nghiệp lâu năm của nước ta hiện nay

**A.** chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt. **B.** phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi.

**C.** chỉ phục vụ nhu cầu xuất khẩu. **D.** không có sự thay đổi về diện tích.

**Câu 64:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của đối tượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay?

**A.** Yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm.

**B.** Diện tích mặt nước được mở rộng thêm.

**C.** Nhu cầu khác nhau của các thị trường.

**D.** Điều kiện nuôi khác nhau ở các cơ sở.

**Câu 65:** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta có biểu hiện nào sau đây?

**A.** Ngành công nghiệp và xây dựng tăng tỉ trọng.

**B.** Ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm tỉ trọng.

**C.** Nhà nước quản lí các ngành kinh tế then chốt.

**D.** Xuất hiện nhiều khu công nghiệp quy mô lớn.

**Câu 66:** Khó khăn lớn nhất do sự tập trung lao động đông ở các đô thị lớn của nước ta là

**A.** giải quyết việc làm. **B.** bảo vệ môi trường.

**C.** khai thác nguồn tài nguyên. **D.** đảm bảo phúc lợi xã hội.

**Câu 67:** Hoạt động kinh tế biển của nước ta

**A.** chỉ có khai thác dầu khí. **B.** chỉ có ngành du lịch biển.

**C.** đa dạng, có nhiều ngành. **D.** có mặt ở tất cả các vùng.

**Câu 68:** Vị trí địa lí của nước ta

**A.** nằm ở trung tâm của châu Á. **B.** ở phía Bắc của Trung Quốc.

**C.** nằm ở bán cầu Bắc và Đông. **D.** ngã ba của châu Á- Âu- Phi.

**Câu 69:** Các thành phố lớn ở nước ta hiện nay

**A.** có cơ sở hạ tầng đều rất hiện đại. **B.** tiêu thụ nhiều sản phẩm hàng hóa.

**C.** hạn chế thu hút đầu tư nước ngoài. **D.** tập trung chủ yếu ở vùng đồi núi.

**Câu 70:** Ngành hàng không có bước tiến rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Lượng khách du lịch quốc tế lớn. **B.** Chiến lược phát triển táo bạo.

**C.** Lao động có trình độ cao. **D.** Đảm bảo tính an toàn tuyệt đối.

**Câu 71:** Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển mạnh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.

**B.** Nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao.

**C.** Cơ sở hạ tầng phát triển, nguồn thức ăn được đảm bảo.

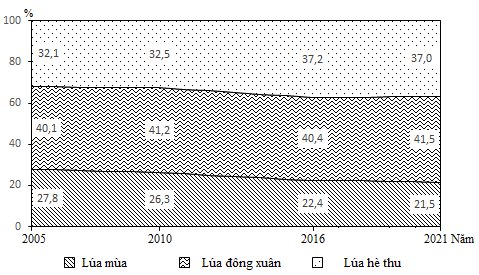
**D.** Nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

**Câu 72:** Hoạt động xuất khẩu của nước ta hiện nay có

**A.** thị trường chủ yếu là ở Châu Phi. **B.** bạn hàng ngày càng đa dạng hơn.

**C.** rất ít thành phần kinh tế tham gia. **D.** các mặt hàng chủ đạo là máy móc.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích lúa của nước ta, giai đoạn 2005 - 2021:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Tốc độ tăng trưởng của diện tích lúa các mùa vụ.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng.

**C.** Quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ.

**D.** Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ.

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên nước ta là

**A.** nâng cao chất lượng sản phẩm, hạn chế rủi ro.

**B.** hạn chế rủi ro, nâng cao đời sống người dân.

**C.** tăng cao khối lượng nông sản, tạo việc làm.

**D.** sử dụng hợp lí các tài nguyên, hạn chế rủi ro.

**Câu 75:** Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tạo các việc làm, tìm kiếm ngư trường mới.

**B.** đổi mới bộ mặt ven biển, nâng vị thế vùng.

**C.**tăng sản lượng, nâng cao mức sống dân cư.

**D.** phát huy thế mạnh, thay đổi cơ cấu kinh tế.

**Câu 76:** Khó khăn chủ yếu đối với sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

**A.** tình trạng xâm nhập mặn tăng, thị trường biến động, nguồn lợi suy giảm.

**B.**mất cân bằng sinh thái, thị trường biến động, công nghệ chế biến hạn chế.

**C.** phương tiện đánh bắt hạn chế, rừng ngập mặn giảm, lao động xuất cư tăng.

**D.** dịch bệnh phức tạp, giống cho năng suất cao ít, công nghệ chế biến hạn chế.

**Câu 77:** Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** nâng cấp cơ sở hạ tầng, thu hút nhiều thành phần kinh tế.

**B.** đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**C.** xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt, mở khu chế xuất.

**D.** đảm bảo các nguồn nguyên liệu, đẩy mạnh việc xuất khẩu.

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cấp tuyến đường Hồ Chí Minh đối với vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** tạo thế mở cửa cho nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài và giao thương với các nước.

**B.** tạo thế liên hoàn theo chiều Bắc - Nam, Đông – Tây và đẩy mạnh giao lưu với các vùng.

**C.** nâng cao khả năng vận chuyển, tạo ra những thay đổi lớn trong sự phát triển của vùng.

**D.** thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới.

**Câu 79:** Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của

**A.** gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.

**B.** Tín phong đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc địa hình dãy Trường Sơn Nam và biển đông.

**D.** gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

0396752282 GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: Tỉ USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| 2015 | 162,0 | 165,8 |
| 2017 | 215,1 | 213,2 |
| 2019 | 264,3 | 253,7 |
| 2020 | 282,6 | 262,8 |
| 2021 | 336,2 | 332,8 |

*(Nguồn: https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Kết hợp. **C.** Đường. **D.** Miền.

**III. ĐÁP ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẮC NINH**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ 21**  **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**  **Môn: Địa lí**  **Thời gian làm bài: 50 phút**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**\* Giáo viên ra đề:** Lê Thị Hiền

**Đơn vị công tác:** Trường THPT Yên Phong số 2

**\* Giáo viên thẩm định:** ………………………………………………………………..

**Đơn vị công tác:** Trường THPT Từ Sơn.

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A,

GIAI ĐOẠN 2015 – 2020 *(Đơn vị: Triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| In-đô-nê-xi-a | 854953,1 | 1014090,4 | 1121139,1 | 1059146,1 |
| Ma-lai-xi-a | 298716,0 | 321384,1 | 364616,1 | 337286,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh GDP của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a năm 2020 với năm 2015?

**A.** In-đô-nê-xi-a thấp hơn hơn Ma-lai-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.

**C.** In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a. **D.** Ma-lai-xi-a tăng gấp đôi In-đô-nê-xi-a.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Nam Trung Bộ?

**A.** Đồng Hới. **B.** Nha Trang. **C.** Lạng Sơn. **D.** Cần Thơ.

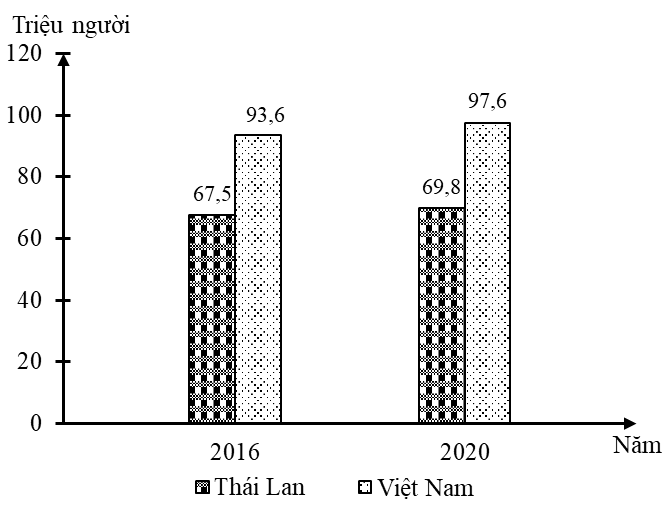
**Câu 43.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất?

**A.** Tuyên Quang. **B.** Nậm Mu. **C.** Thác Bà. **D.** Hòa Bình.

**Câu 44:** Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

**A.** Nước mắm. **B.** Cà phê nhân. **C.** Gạo, ngô. **D.** Đường mía.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:



DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM NĂM 2016 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của Thái Lan và Việt Nam?

**A.** Số dân của Thái Lan luôn nhiều hơn Việt Nam.

**B.** Số dân của Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

**C.** Số dân của Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan.

**D.** Số dân của Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Thủ dầu Một. **B.** Mỹ Tho. **C.** Biên Hòa. **D.** Vũng Tàu.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

**A.** Long Xuyên. **B.** Rạch Giá. **C.** Cà Mau. **D.** Sóc Trăng.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hệ thống sông nào sau đây, có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

**A.** Sông Thái Bình. **B.** Sông Thu Bồn. **C.** Sông Mã. **D.** Sông Ba.

**Câu 49:** Các khu công nghiệp tập trung thường được xây dựng ở vùng ven biển nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nguyên liệu phong phú, lao động dồi dào.

**B.** Lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

**C.** Thu hút nguồn đầu tư, xuất khẩu hàng hóa.

**D.** Lao động dồi dào, thu hút nguồn đầu tư.

**Câu 50:** Ý nghĩa chủ yếu của rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

**A.** có giá trị du lịch sinh thái cao. **B.** bảo tồn sự đa dạng sinh học.

**C.** bảo tồn những di tích lịch sử. **D.** diện tích nuôi trồng thủy sản.

**Câu 51:** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Vĩnh Sơn. **B.** Xê Xan. **C.** Đrây Hling. **D.** Yaly.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía nam cảng Thuận An?

**A.** Chân Mây. **B.** Cửa Lò. **C.** Cửa Gianh. **D.** Vũng Áng.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 28 nối Di Linh với địa điểm nào sau đây?

**A.** Nha Trang. **B.** Biên Hòa. **C.** Phan Thiết. **D.** Đồng Xoài.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết khu dự trữ sinh quyển nào sau đây nằm ở trên đảo?

**A.** Tây Nghệ An. **B.** Cù Lao Chàm. **C.** Cát Tiên. **D.** Mũi Cà Mau.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết nước khoáng Kênh Gà thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Hà Nam. **B.** Hoà Bình. **C.** Ninh Bình. **D.** Nam Định.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất nhỏ nhất?

**A.** Cần Thơ. **B.** Sóc Trăng. **C.** Biên Hòa. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Lâm Đồng?

**A.** Gia Nghĩa. **B.** Pleiku. **C.** Kon Tum. **D.** Đà Lạt.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới của 3 quốc gia Việt Nam, Lào, Campuchia?

**A.** Kon Tum. **B.** Điện Biên. **C.** An Giang. **D.** Lai Châu.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao lớn nhất ở vùng núiTrường Sơn Nam?

**A.** Mơ Nông. **B.** Kon Tum. **C.** Lâm Viên. **D.** Đắk Lắk.

**Câu 60:** Biện pháp để cải tạo đất nông nghiệp ở đồng bằng là

**A.** đào hố vảy cá. **B.** bón phân thích hợp.

**C.** trồng cây theo băng. **D.** làm ruộng bậc thang.

**Câu 61:** Khu vực đồi núi nước ta thường xảy ra

**A.** triều cường. **B.** lũ quét. **C.** ngập lụt. **D.** cát bay.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng đàn trâu nhiều nhất nước ta?

**A.** Sơn La. **B.** Nghệ An. **C.** Phú Thọ. **D.** Quảng Nam.

**Câu 63:** Cây công nghiệp lâu năm của nước ta hiện nay

**A.** chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt. **B.** phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi.

**C.** chỉ phục vụ nhu cầu xuất khẩu. **D.** không có sự thay đổi về diện tích.

**Câu 64:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của đối tượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay?

**A.** Yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm. **B.** Diện tích mặt nước được mở rộng thêm.

**C.** Nhu cầu khác nhau của các thị trường. **D.** Điều kiện nuôi khác nhau ở các cơ sở.

**Câu 65:** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta có biểu hiện nào sau đây?

**A.** Ngành công nghiệp và xây dựng tăng tỉ trọng.

**B.** Ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm tỉ trọng.

**C.** Nhà nước quản lí các ngành kinh tế then chốt.

**D.** Xuất hiện nhiều khu công nghiệp quy mô lớn.

**Câu 66:** Khó khăn lớn nhất do sự tập trung lao động đông ở các đô thị lớn của nước ta là

**A.** giải quyết việc làm. **B.** bảo vệ môi trường.

**C.** khai thác nguồn tài nguyên. **D.** đảm bảo phúc lợi xã hội.

**Câu 67:** Hoạt động kinh tế biển của nước ta

**A.** chỉ có khai thác dầu khí. **B.** chỉ có ngành du lịch biển.

**C.** đa dạng, có nhiều ngành. **D.** có mặt ở tất cả các vùng.

**Câu 68:** Vị trí địa lí của nước ta

**A.** nằm ở trung tâm của châu Á. **B.** ở phía Bắc của Trung Quốc.

**C.** nằm ở bán cầu Bắc và Đông. **D.** ngã ba của châu Á- Âu- Phi.

**Câu 69:** Các thành phố lớn ở nước ta hiện nay

**A.** có cơ sở hạ tầng đều rất hiện đại. **B.** tiêu thụ nhiều sản phẩm hàng hóa.

**C.** hạn chế thu hút đầu tư nước ngoài. **D.** tập trung chủ yếu ở vùng đồi núi.

**Câu 70:** Ngành hàng không có bước tiến rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Lượng khách du lịch quốc tế lớn. **B.** Chiến lược phát triển táo bạo.

**C.** Lao động có trình độ cao. **D.** Đảm bảo tính an toàn tuyệt đối.

**Câu 71:** Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển mạnh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.

**B.** Nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao.

**C.** Cơ sở hạ tầng phát triển, nguồn thức ăn được đảm bảo.

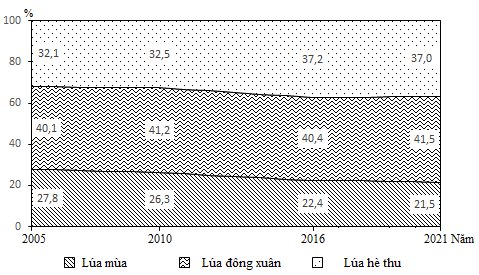
**D.** Nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

**Câu 72:** Hoạt động xuất khẩu của nước ta hiện nay có

**A.** thị trường chủ yếu là ở Châu Phi. **B.** bạn hàng ngày càng đa dạng hơn.

**C.** rất ít thành phần kinh tế tham gia. **D.** các mặt hàng chủ đạo là máy móc.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích lúa của nước ta, giai đoạn 2005 - 2021:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Tốc độ tăng trưởng của diện tích lúa các mùa vụ.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng.

**C.** Quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ.

**D.** Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ.

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên nước ta là

**A.** nâng cao chất lượng sản phẩm, hạn chế rủi ro.

**B.** hạn chế rủi ro, nâng cao đời sống người dân.

**C.** tăng cao khối lượng nông sản, tạo việc làm.

**D.** sử dụng hợp lí các tài nguyên, hạn chế rủi ro.

**Câu 75:** Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tạo các việc làm, tìm kiếm ngư trường mới. **B.** đổi mới bộ mặt ven biển, nâng vị thế vùng.

**C.** tăng sản lượng, nâng cao mức sống dân cư. **D.** phát huy thế mạnh, thay đổi cơ cấu kinh tế.

**Câu 76:** Khó khăn chủ yếu đối với sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

**A.** tình trạng xâm nhập mặn tăng, thị trường biến động, nguồn lợi suy giảm.

**B.** mất cân bằng sinh thái, thị trường biến động, công nghệ chế biến hạn chế.

**C.** phương tiện đánh bắt hạn chế, rừng ngập mặn giảm, lao động xuất cư tăng.

**D.** dịch bệnh phức tạp, giống cho năng suất cao ít, công nghệ chế biến hạn chế.

**Câu 77:** Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** nâng cấp cơ sở hạ tầng, thu hút nhiều thành phần kinh tế.

**B.** đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**C.** xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt, mở khu chế xuất.

**D.** đảm bảo các nguồn nguyên liệu, đẩy mạnh việc xuất khẩu.

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cấp tuyến đường Hồ Chí Minh đối với vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** tạo thế mở cửa cho nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài và giao thương với các nước.

**B.** tạo thế liên hoàn theo chiều Bắc - Nam, Đông – Tây và đẩy mạnh giao lưu với các vùng.

**C.** nâng cao khả năng vận chuyển, tạo ra những thay đổi lớn trong sự phát triển của vùng.

**D.** thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới.

**Câu 79:** Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của

**A.** gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.

**B.** Tín phong đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc và địa hình dãy Trường Sơn Nam, biển đông.

**D.** gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

039675228GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: Tỉ USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| 2015 | 162,0 | 165,8 |
| 2017 | 215,1 | 213,2 |
| 2019 | 264,3 | 253,7 |
| 2020 | 282,6 | 262,8 |
| 2021 | 336,2 | 332,8 |

*(Nguồn: https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Kết hợp. **C.** Đường. **D.** Miền.

**HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **ĐA** | **Hướng dẫn** |
| Câu 71 | A | Kết hợp bài 22 và bài 32 sgk địa 12: Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gần đây được phát triển chủ yếu do nguồn thức ăn được đảm bảo, công nghiệp chế biến phát triển, nhu cầu thị trường lớn 🡺 Đáp án A |
| Câu 72 | B | Kiến thức bài 31 – Thương mại 🡺 Hoạt động xuất khẩu của nước ta hiện có bạn hàng ngày càng đa dạng hơn, các thị trường lớn nhất có Hoa Kì, Nhật Bản và Trung Quốc |
| Câu 73 | D | Kết hợp dạng biểu đồ miền và chú giải 🡺 chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ. |
| Câu 74 | D | Dựa vào kiến thức bài 37/ SGK Địa 170 🡺 Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên là vừa hạn chế những rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, vừa sử dụng hợp lí tài nguyên. |
| Câu 75 | C | Vận dụng kiến thức về ngành Thủy sản và bài Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ **🡺** Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là tăng sản lượng đánh bắt (do vùng biển xa bờ có trữ lượng thủy sản lớn hơn), từ đó nâng cao mức sống nhân dân sống bằng nghề biển |
| Câu 76 | B | Những khó khăn hiện nay trong sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long:   * Mất cân bằng sinh thái, môi trường bị ô nhiễm, phát sinh nhiều dịch bệnh. * Diện tích rừng ngập mặn ngày càng thu hẹp * Thiếu vốn đầu tư, thị trường không ổn định. * Đầu tư hệ thống công nghiệp chế biến chất lượng cao còn hạn chế… * Khó khăn chủ yếu đối với sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là mất cân bằng sinh thái, thị trường biến động, công nghệ chế biến hạn chế. |
| Câu 77 | B | Vận dụng, liên hệ kiến thức bài 26: cơ cấu ngành công nghiệp và bài 33: vấn đề chuyển dịch cơ cấu ngành ở ĐBSH🡪 Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ. |
| Câu 78 | D | Sgk Địa lí 12, Địa lí Kinh tế.  Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cấp tuyến đường Hồ Chí Minh đối với vùng Bắc Trung Bộ là thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới. |
| Câu 79 | D | SGK Địa lí 12, trang 41, 42 🡺 Khí hậu miền Nam phân thành một mùa mưa và một mùa khô sâu sắc.  - Vào mùa hạ, miền Nam chịu tác động của gió mùa hướng tây nam nên có mưa lớn.  - Vào mùa đông, do ảnh hưởng của dãy Bạch Mã chạy theo hướng Tây – Đông chặn gió mùa Đông Bắc nên miền Nam hầu như không chịu ảnh hưởng của loại gió này mà chủ yếu chịu tác động của Tín phong Bắc bán cầu tạo nên một mùa khô, ít mưa cho khu vực này. |
| Câu 80 | D | cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 – 2021 (5 năm)  ->dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện **cơ cấu** với số năm **5 năm** là biểu đồ Miền. |